TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HS-ST
Ngày 8-8- 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Thi.

Nơi công tác: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

Ông Hoàng Văn Giang.

Nơi công tác: Đảng ủy xã NĐ, huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thiết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thùy Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 8 năm 2017 Đình chợ, thị trấn TN, huyện TN, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2017/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/HSST-QĐ ngày 28 tháng 7 năm đối với các bị cáo:

Giàng A T, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1979 tại xã NĐ, huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú xóm LN, xã NĐ, huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp Trồng trọt; trình độ văn hoá học lớp xóa mù chữ.

Dân tộc: Mông; con ông Giàng Văn S, sinh năm 1955 và bà Hoàng Thị M (đã chết).

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Hoàng Thị M, sinh năm 1980, bị cáo có 04 con, con lớn sinh năm 2002 con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Giàng Văn S, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1955 tại xã NĐ, huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú xóm LN, xã NĐ, huyện TN, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp Trồng trọt; trình độ văn hoá Mù chữ; dân tộc: Mông.

Con ông Giàng A T (đã chết) và bà Sùng Thị X, sinh năm 1922.

Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ Hoàng Thị M (đã chết) và có 02 con, con lớn sinh năm 1979 con nhỏ sinh năm 1984.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Hà Thị H, Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Dương Thanh B.

Nơi công tác: Trạm Khuyến nông – Khuyến lâm huyện TN, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 7/02/2017 Hạt kiểm lâm huyện TN nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc phát hiện tại khu vực núi KD thuộc xóm LN, xã NĐ, huyện TN có một số cây gỗ nghiến bị cưa hạ. Hạt kiểm lâm huyện TN phối hợp với Công an huyện TN điều tra đã xác định được bị cáo Giàng A T là người cưa hạ 03 cây gỗ nghiến tại lô 07, khoảnh 03, tiểu khu 156 thuộc khu vực rừng được Ủy ban nhân dân huyện TN giao cho gia đình bị cáo Giàng Văn S quản lý.

Hạt kiểm lâm huyện đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01/QĐ/KTVAHS-KL ngày 13/4/2017, và ngày 14/4/2017 Hạt kiểm lâm huyện TN chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TN.

Tại cơ quan điều tra T khai nhận:

Đầu năm 2016 bị cáo T đến nhà bố đẻ mình là bị cáo Giàng Văn S để xin cho mình được cưa hạ 02 cây gỗ nghiến tại khu rừng do S quản lý về để làm nhà. Ngày 6/02/2016 T đem theo chiếc cưa máy nhãn hiệu HUSQVARNA 365 đến nhà S và hai bố con cùng nhau lên rừng. Đến nơi, S chỉ cho T 02 cây gỗ nghiến để cho T cưa hạ, T cưa hạ lần lượt từng cây, S đứng cạnh đó quan sát, khoảng 30 phút thì 02 cây nghiến đổ hẳn.

Sau đó,T một mình đi cắt xẻ đoạn gốc 01 cây nghiến được 12 cái thớt có đường

kính đường kính 0,38m, dày 0,12m rồi đem bán cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi ở xã LT, huyện TN được 500.000 đồng.

Ngày 22/01/2017 bị cáo T lại đến nhà của bị cáo S hỏi xin chặt thêm 01 cây nghiến nữa về để bị cáo làm nhà, S nhất trí, S dẫn T đến khu vực rừng mình quản lý và chỉ cho T cây nghiến để chặt hạ. Đến ngày 25/01/2017, T một mình đem theo cưa máy đến nơi cây nghiến mà S chỉ cho hôm trước và cắt hạ cây nghiến, sau khoảng 15 phút thì cây nghiến đổ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 3/4/2017 tại vực núi KD thuộc xóm LN, xã NĐ, huyện TN do Cơ quan điều tra Công an huyện TN, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, Hạt kiểm lâm huyện TN và Ủy ban nhân dân xã NĐ như sau:

Cây 01: Còn nguyên chưa bị cắt xẻ, có khối lượng là 6,37 m^3;

Cây 02: Có khúc gốc cây đã bị cắt dời, có tổng khối lượng là 2,479 m^3;

Cây 03: Có khúc 01 là đoạn gốc cây đã bị cắt xẻ không còn tại hiện trường (do bị cáo Giàng A T đã cắt xẻ thành 12 khúc nhỏ làm thớt, mỗi khúc dày 0,12m, đường kính 0,38m, có khối lượng là 0,17 m^3); tổng khối lượng cây 03 là 1,887 m^3.

Tổng khối lượng của 03 cây gỗ nghiến là 10,741 m^3.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 04/KL-ĐGTS ngày 29/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện TN kết luận 03 cây gỗ nghiến có giá trị là 53.370.500 đồng.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện TN ra Quyết định gia hạn điều tra vụ án hình sự lần thứ nhất.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 13/4/2017, Hạt kiểm lâm huyện TN đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã NĐ, huyện TN quản lý trông coi số gỗ của 03 cây nghiến bị cắt hạ.

Số tiền 500.000 đồng do bán thớt có được ,bị cáo đã chi tiêu sinh hoạt trong gia đình hết nhưng bị cáo đã tìm nguồn khác và tự nguyện nộp lại cho Cơ quan Điều tra.

Ngày 28/4/2017, bị cáo T đã tự giác giao nộp 01 chiếc cưa máy nhãn hiệu HUSQVARNA 365 màu đỏ đen, dài 70 cm cho cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện TN.

Bản cáo trạng số 10/KSĐT ngày 18/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN đã truy tố các bị cáo Giàng A T và Giàng Văn S về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TN vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 và điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; Xử phạt bị cáo Giàng A T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, xử phạt bị cáo Giàng A S 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo vì gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung, sung công quỹ nhà nước 01 cưa máy nhãn hiệu HUSQVARNA 365, số tiền 500.000 đồng, 03 cây gỗ nghiến có khối lượng còn lại tại hiện trường là 10,571 m^3. Toàn bộ số vật chứng trên phát mại, sung công quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN đã truy tố; các bị cáo thừa nhận, khi chưa được các cơ quan có thẩm quyền cho phép khai thác thì bị cáo T đã tự ý khai thác 03 cây gỗ nghiến, bị cáo S được đi chỉ cho bị cáo T các cây nghiến để bị cáo T khai thác tại khu rừng phòng hộ mà bị cáo S được giao quản lý, bảo vệ; Khi được nói lời sau cùng các bị cáo có đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với tội danh, các điều luật áp dụng, xử lý vật chứng như vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN luận tội, ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm đối với các bị cáo 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là các bị cáo có nhận thức và hiểu biết xã hội hạn chế theo Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự và đề nghị cho các bị cáo được xử phạt mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Hạt kiểm lâm huyện TN, Cơ quan điều tra Công an huyện TN, Kiểm lâm viên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc Phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Do có nhu cầu sử dụng gỗ để làm nhà nên bị cáo Giàng A T dù chưa được phép các cơ quan có thẩm quyền đã chỉ xin bố đẻ mình là bị cáo Giàng Văn S cho cắt hạ 03 cây nghiến tại khu rừng mà bị cáo S được giao quản lý, bảo vệ. Bị cáo S đồng ý cho bị cáo T được khai thác 03 cây và đưa bị cáo T lên rừng, xác định các cây nghiến để

bị cáo T khai thác. Ngày 6/02/2016, bị cáo T khai thác 02 cây gỗ nghiến; ngày 25/01/2017, bị cáo khai thác 01 cây gỗ nghiến.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 3/4/2017 tại vực núi KD thuộc xóm LN, xã NĐ, huyện TN do Cơ quan điều tra Công an huyện TN, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, Hạt kiểm lâm huyện TN và Ủy ban nhân dân xã NĐ xác định: Tổng khối lượng của 03 cây gỗ nghiến là 10,741 m^3 (đã bao gồm 01 khúc là đoạn gốc cây mà bị cáo T đã cắt xẻ thành 12 khúc nhỏ làm thớt, mỗi khúc dày 0,12m, đường kính 0,38m, có khối lượng là 0,17 m^3 và bán cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi ở xã LT, huyện TN không biết tên và địa chỉ). Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với cả khối lượng gỗ đã bán đi 0,17 m^3 vì tuy không còn ở hiện trường nhưng lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản đồ quy hoạch ba loại rừng năm 2015 xác định nơi khai thác 03 cây nghiến thuộc lô 07, khoảnh 03, tiểu khu 156 thuộc diện tích quy hoạch rừng phòng hộ, được Ủy ban nhân dân huyện TN giao cho gia đình bị cáo Giàng Văn S quản lý.

Căn cứ Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, gỗ nghiến thuộc nhóm IIA trong danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm cấm khai thác; các bị cáo đã khai thác trái phép tại rừng phòng hộ vượt quá mức quy định về xử phạt vi phạm hành chính (mức xử phạt hành chính tối đa là 10 m^3) theo điểm b khoản 2 điều 12 của Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, nhưng chưa vượt quá hai lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính (được hướng dẫn tại tiểumục 1.4 và 1.5 mục 1 phần IV của Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08 tháng 3 năm 2007 Hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản); vi phạm Khoản 1 Điều 12 của Luật bảo vệ và phát triển rừng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, *"Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm: a) Khai thác trái phép cây rừng…"*.

Lời khai nhận của các bị cáo tại cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ của vụ án như Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản bàn giao hiện trường khai thác gỗ trái phép, Bản ảnh hiện trường, vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TN truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến

sự phát triển bền vững và ổn định của môi trường sinh thái tự nhiên, xâm hại trực tiếp đến quyền quản lý, sử dụng tài nguyên của nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được là không được khai thác khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm nhưng với ý thức coi thường pháp luật các bị cáo đã khai thác 03 cây nghiến với tổng khối lượng là 10,741 m^3, gây thiệt hại về kinh tế là 53.370.500 đồng. Hành vi của các bị cáo cần bị xử phạt nghiêm theo quy định của pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xem xét vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án.

Bị cáo T là người đề xuất ý định khai thác cây gỗ nghiến, bị cáo đã chuẩn bị phương tiện khai thác, bị cáo trực tiếp khai thác các cây nghiến và sẽ được sử dụng toàn bộ thành phẩm của cây nghiến, do đó bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo S, khi nhận được đề xuất của bị cáo T, bị cáo đồng ý, bị cáo S chủ động cùng bị cáo T lên rừng, trực tiếp chỉ cho bị cáo T các cây nghiến để bị cáo T biết khai thác, do đó, bị cáo S đồng phạm với bị cáo T và có vai trò giúp sức tinh thần cho bị cáo T (Điều 20 Bộ luật Hình sự).

Các bị cáo có quan hệ huyết thống cha – con, các bị cáo sinh ra và lớn lên trong gia đình sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức xã hội và hiểu biết pháp luật vẫn còn nhiều hạn chế, bị cáo S mù chữ, bị cáo T chỉ được học lớp xóa mù chữ năm 2004. Mục đích khai thác gỗ của các bị cáo là để làm nhà cho bị cáo T vì bị cáo T đã tách hộ với bị cáo S để ra ở riêng. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; Trước khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền sự, chưa có tiền án, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS cần được áp dụng cho các bị cáo; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo điều 48 của Bộ luật hình sự và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao (bãi bỏ tình tiết "Xâm phạm tài sản nhà nước").

Xét vai trò trong vụ án của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự thì bị cáo T phải chịu mức xử phạt nặng hơn mức xử phạt của bị cáo S. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, căn cứ vào tiểu mục 6.1 mục 6 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 2/10/2007 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về thời hiện thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt; Hội đồng xét xử xét thấy việc buộc các bị

cáo phải đi chấp hành hình phạt tù là không cần thiết mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý, giám sát bị cáo cũng đủ để giáo dục bị các cáo sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích cho xã hội, thể hiện được chính sách khoan hồng của Đảng và nhà nước ta.

Đối với đối tượng mua 12 chiếc thớt nghiến, bị cáo không biết tên, địa chỉ nên cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý là đúng.

Về hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự: Xét các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo (Có Giấy xác nhận hộ nghèo của Ủy ban nhân dân xã), không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số lượng gỗ bị cáo đã khai thác trái phép là tài sản thuộc sở hữu của nhà nước nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 76 của BLTTHS, số lượng gỗ còn lại tại hiện trường là 10,571 m^3 (10,741 m^3 – 0,70 m^3 = 10,571 m^3).

Đối với 01 chiếc máy cưa của bị cáo, bị cáo đã sử dụng vào việc khai thác trái phép cây rừng, là vật chứng của vụ án, xét thấy, chiếc máy cưa vẫn còn giá trị sử dụng, do đó, cần cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của BLHS và điểm a khoản 2 Điều 76 của BLTTHS;

Đối với số tiền 500.000 đồng là tiền bán gỗ có được, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 41, điểm c Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TN về mức hình phạt đối với các bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng của vụ án là có cơ sở, cần chấp nhận; Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cần được chấp nhận; Lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo được xử phạt mức án thấp nhất theo lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, cần chấp nhận, không chấp nhận lời bào chữa cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 46 vì các bị cáo tuy sống ở khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức còn hạn chế nhưng các bị cáo vẫn nhận thức được hành vi khai thác gỗ khi không được cấp có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Giàng A T, Giàng Văn S phạm tội: Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Xử phạt bị cáo Giàng A T 12 *(Mười hai)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 *(Hai mươi bốn)* tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Giàng A T cho Ủy ban nhân dân xã NĐ, huyện TN, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã NĐ trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Giàng Văn S 6 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*Mười hai*) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Giàng Văn S cho Ủy ban nhân dân xã NĐ, huyện TN, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo S có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã NĐ trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 03 cây nghiến, có khối lượng là 10,571 m^3.

Xác nhận toàn bộ số gỗ nghiến nằm tại khu vực núi KD thuộc xóm LN, xã NĐ, huyện TN, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản bàn giao hiện trường khai thác gỗ nghiến giữa bên giao Hạt kiểm lâm huyện TN cho bên nhận là Ủy ban nhân dân xã NĐ, huyện TN ngày 13/4/2017. Tiếp tục giao cho Ủy ban nhân dân xã NĐ, huyện TN trông coi, quản lý số gỗ trên.

- Tịch thu, phát mại sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc cưa nhãn hiệu HUSQVARNA 365 màu đỏ đen, dài 70 cm.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)

Xác nhận chiếc cưa và số tiền hiện đang được lưu giữ tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/7/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ

thẩm cho các bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS huyện TN;
- Các bị cáo;
- Công an huyện TN;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim